

Số: 33/2019/QĐST-HNGĐ

Cẩm Lệ, ngày 05 tháng 03 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 38/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

* Ông L - Sinh năm: 1992- Địa chỉ: 108/14 T, phường T, quận C, thành phố Đ.

* Bà H - Sinh năm: 1994 - Địa chỉ: 120 T, phường T, quận C, thành phố Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông L và bà H tự nguyện kết hôn vào năm 2013, đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận C, thành phố Đ. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, bà H sống tại 120 T, phường H, quận C, thành phố Đ. Ông L sống cùng ba, mẹ ông tại địa chỉ 108/14 T, phường H, quận C, thành phố Đ. Giữa bà H và ông L đã không sống chung với nhau từ sau khi kết hôn đến nay. Trong quá trình chung sống đến năm 2014 ông bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp, vợ chồng không có trách nhiệm với nhau vợ chồng hay xảy ra to tiếng, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Xét thấy, Ông L và bà H đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn giữa ông L và bà H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về con chung: Ông L và bà H có 01 con chung tên là N - sinh ngày 18/02/2013. Ly hôn, vợ chồng thống nhất thỏa thuận ông L nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung; bà H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng vào ngày 15 hằng tháng bắt đầu từ tháng 03 năm 2019. Ông L và bà H tự

nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con của ông bà.

[3] Về tài sản chung: Ông L và bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về nợ chung: Ông L và bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

* Về quan hệ hôn nhân: Ông L và bà H thống nhất thuận tình ly hôn.

* Về quan hệ con chung: Ông L và bà H thỏa thuận về việc nuôi con chung như sau:

Ông L trực tiếp nuôi dưỡng con chung N - Sinh ngày 18 tháng 02 năm 2013 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bà H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 03 năm 2019.

Bên không nuôi con vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

* Về quan hệ tài sản chung: Không có.

* Về nợ chung: Không có.

Lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ ông L và bà H tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông L và bà H đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 05593 ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Ông L và bà H đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Viện KSND quận Cẩm Lệ;
- UBND phường H;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phùng Văn Nhó